

Bản án số: 2397/2018/HNGĐ-ST.

Ngày: 20-11-2018.

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi
ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thúy Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thanh Phước,
2. Bà Lâm Thị Hoàng Oanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Hải An, là Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Lê Mỹ Phương, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 14 và ngày 20 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số **619/2018/TLST-HNGĐ** ngày **12** tháng 4 năm 2018 về "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số **451/2018/QĐXXST-HNGĐ** ngày **23** tháng 10 năm **2018** giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **H**, sinh năm 1977 (Có mặt).

Địa chỉ: aa X.V.N.T, Phường xx, quận B.T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông **T**, sinh năm 1964 (Có mặt).

Địa chỉ: aa X.V.N.T, Phường xx, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Đ.T, Luật sư – Văn phòng Luật sư V.H và cộng sự thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản khai và các biên bản hòa giải, nguyên đơn bà H trình bày:*

Bà và ông T tự nguyện kết hôn năm 2005, tại Ủy ban nhân dân phường P.H.T, quận H.B, thành phố H.P. Sau khi kết hôn, vợ chồng có những mâu thuẫn nhỏ về cách sinh hoạt. Dần dà, hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, không chia sẻ cuộc sống-tâm tư tình cảm nên khoảng cách giữa hai vợ chồng ngày càng xa. Năm 2016, bà có nộp đơn xin ly hôn ông T tại Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, nhưng sau đó muốn cho ông T cơ hội, hàn gắn tình cảm vợ chồng nên bà đã rút đơn và Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án theo Quyết định số 143/2017/QĐST-HNGĐ ngày 02/02/2017. Đến nay, mâu thuẫn vợ chồng vẫn không hàn gắn được, bà đề nghị ly hôn ông Nguyễn Tiến T.

Về con chung: Có hai con chung tên K, sinh ngày 12/9/2006 và T.K, sinh ngày 19/9/2007. Bà đề nghị được nuôi hai con chung và ông T có trách nhiệm cấp dưỡng mỗi con là 4.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại các bản khai và các biên bản hòa giải, bị đơn ông T trình bày:*

Ông thống nhất với trình bày của bà H về việc kết hôn. Do đặc thù công việc là làm ăn tự do nên ông không thường xuyên về nhà, không theo giờ hành chính, nhưng khi về đến nhà ông không nhận được sự thông cảm từ vợ nên khoảng cách giữa hai vợ chồng ngày càng xa. Ông nhận thấy tình cảm vợ chồng của ông chưa đến mức trầm trọng mà quan hệ này chỉ phát sinh sau Tết năm 2018. Ông thừa nhận vợ chồng ông không còn quan hệ vợ chồng từ hai năm nay, mà thực tế ông cũng không tìm hiểu lý do của vấn đề này nên mới phát sinh yêu cầu ly hôn của bà H. Ông không đồng ý ly hôn vì ông không muốn gia đình tan vỡ, ảnh hưởng đến con cái.

Về con chung: Có hai con chung tên K, sinh ngày 12/9/2006 và T.K, sinh ngày 19/9/2007. Trong trường hợp ly hôn, ông đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ T.K, sinh ngày 19/9/2007. Căn cứ để ông yêu cầu được trực tiếp nuôi con: Ông hiện đang mua bán xe cơ giới đã qua sử dụng tại Công ty TNHH M (Phường L.T, quận T.Đ), thu nhập hàng tháng trung bình là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng), giờ giấc làm việc: Từ 09 giờ 00 phút sáng đến 17 giờ 00 phút chiều, nếu có việc phát sinh thì ông ở lại sửa chữa, khắc phục những xe trước khi bán. Ông đồng ý giao trẻ K cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, và ông cấp dưỡng nuôi trẻ K hàng tháng là 5.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông đồng ý với yêu cầu của bà H tự thỏa thuận tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung, nợ chung.

Tại đơn yêu cầu đề ngày 07/11/2018 được nộp cho Tòa án ngày 08/11/2018, ông T thể hiện nội dung sau: Ông đồng ý yêu cầu ly hôn bà H, ông đề nghị trực tiếp nuôi hai con chung mà không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con, và ông đề nghị Tòa án giải quyết tài sản chung của ông và bà H.

* Ông Đ.T, người bảo vệ quyền và lợi ích của bị đơn, thống nhất với trình bày của bị đơn. Đề nghị Tòa án xem xét giao trẻ T.K cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, giao trẻ K cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục và ông T cấp dưỡng nuôi trẻ K mỗi tháng là 4.000.000 đồng.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh:

Nguyên đơn bà H khởi kiện ông T yêu cầu ly hôn và đề nghị được nuôi con được Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh thụ lý đúng thẩm quyền. Từ khi thụ lý đến tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Các đương sự được nhận các văn bản tố tụng để thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung, tại phiên tòa, bị đơn ông T đồng ý yêu cầu ly hôn của bà H nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thuận tình ly hôn của bà H và ông T. Xét thực tế, hai con chung tên K, sinh ngày 12/9/2006 và T.K, sinh ngày 19/9/2007 cùng ở với nhau, học chung trường có bà H là người thường xuyên chăm sóc và ông T là người làm nghề tự do nên ít chăm sóc con; hơn nữa, thu nhập và giờ làm việc hành chính của nguyên đơn ổn định và hai trẻ có nguyện vọng được ở với mẹ nên để tránh sự xáo trộn cuộc sống của trẻ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện giao hai con cho nguyên đơn bà H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Tại phiên tòa, ông T đồng ý với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà H trong trường hợp giao hai con cho bà H nuôi dưỡng mỗi tháng là 4.000.000 đồng/con, chuyển khoản trực tiếp cho bà H vào ngày 01 đến ngày 05 hàng tháng nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Về án phí, ông T, bà H phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Xét thấy nguyên đơn bà H khởi kiện ông T, cư trú tại quận Bình Thạnh, yêu cầu ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn nên căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên tòa, bị đơn ông T đề nghị rút Đơn yêu cầu đề ngày 07/11/2018 được nộp cho Tòa án ngày 08/11/2018 nên Hội đồng xét xử không xem xét hình thức, nội dung và thời điểm đưa ra yêu cầu theo đơn nêu trên của bị đơn trong vụ án này.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 16 cấp ngày 11/10/2005 của Ủy ban nhân dân phường P.H.T, quận H.B, H.P, nên có đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân của bà H và ông T là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa, nguyên đơn bà H vẫn giữ yêu cầu ly hôn bị đơn ông T, và bị đơn ông T đồng ý ly hôn nguyên đơn bà H vì không thể níu kéo hạnh phúc gia đình được nữa. Xét bà H và ông T tại phiên tòa thật sự tự nguyện ly hôn không trái với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự: Bà H và ông T thuận tình ly hôn.

[3] Về con chung:

Bà H và ông T cùng khai có hai con chung tên K, sinh ngày 12/9/2006 và T.K, sinh ngày 19/9/2007. Tại phiên tòa, bà H vẫn giữ yêu cầu được nuôi hai con chung và đề nghị ông T cấp dưỡng nuôi hai con hàng tháng tổng cộng là 8.000.000 đồng, cấp dưỡng nuôi mỗi con hàng tháng là 4.000.000 đồng; ông T đề nghị nuôi trẻ T.K, bà H nuôi trẻ K và ông T cấp dưỡng nuôi trẻ K mỗi tháng là 4.000.000 đồng.

Tại phiên hòa giải ngày 23/10/2018 và tại phiên tòa, bị đơn ông T khai nhận hiện đang mua bán xe cơ giới đã qua sử dụng tại Công ty TNHH M (Phường L.T, quận T.Đ), thu nhập hàng tháng trung bình là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) nhưng ông T không cung cấp được tài liệu gì để chứng minh; bà H là Trưởng Phòng Tổ chức Hành chính Công ty Cổ phần LICOGI 16 M&C từ ngày 02/6/2014 theo Quyết định số 44/QĐ-LICOGU16M&C-HĐQT ngày 02/6/2014, và kiêm nhiệm Trưởng phòng Tổ chức hành chính thuộc Công ty Cổ phần LISTEEL theo Quyết định số 41/QĐ-LICOGI16M&C-BGD ngày 12/11/2018 của Công ty Cổ phần LICOGI 16 M&C, với tổng thu nhập theo Hợp đồng lao động không xác định thời hạn có hiệu lực từ ngày 01/3/2016 với chức

vụ Trưởng Phòng Tổ chức hành chính kiêm Thư ký Hội đồng quản trị là 25.000.000 đồng (Có giấy xác nhận lương ngày 04/6/2018 của Công ty Cổ phần LICOGI 16 M&C). Đồng thời, tại phiên toà, các bên đương sự thừa nhận sau khi ly hôn vẫn ở tại địa chỉ aa X.V.N.T, Phường xx, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, cả nguyên đơn và bị đơn đều có đủ điều kiện về kinh tế và chỗ ở sau khi ly hôn để chăm sóc con chung.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và sự thừa nhận của các đương sự tại phiên toà, nguyên đơn bà H là người thường xuyên chăm sóc hai con chung mặc dù trong quá trình hôn nhân, ông T và bà H không thoả thuận phân công công việc. Ông T thừa nhận tại phiên toà nghề nghiệp của ông T mang tính chất tự do, không phụ thuộc thời gian nên nếu được trực tiếp nuôi con thì ông T hứa sắp xếp công việc để chăm lo cho con; trong khi đó, bà H làm việc theo giờ hành chính mang tính chất ổn định. Đồng thời, tại các biên bản làm việc ngày 18/9/2018, ngày 05/6/2018 và ngày 31/5/2018, hai trẻ K và T.K cùng thể hiện nguyện vọng được ở với bà H trong trường hợp ông T, bà H ly hôn và hiện đang học cùng trường Trung học cơ sở D (quận B.T); và Ủy ban nhân dân Phường xx, quận Bình Thạnh, là chính quyền nơi cư trú của các đương sự, không có bất kỳ lưu ý gì đối với bà H. Xét cha mẹ hơn hết chính là người có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, nên đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông T xem xét việc giao trẻ T.K cho ông T căn cứ vào điều kiện nhân thân trong gia đình ông T có mẹ và anh trai của ông T ở gần là không có cơ sở để chấp nhận. Căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình cũng như nguyện vọng của trẻ và tình hình thực tế nhằm đảm bảo quyền lợi và lợi ích về mọi mặt tốt nhất cho sự phát triển của trẻ chưa thành niên, Hội đồng xét xử nhận thấy có đủ cơ sở để giao hai con K và T.K cho bà H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục nên đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ.

Tại phiên toà, ông T đồng ý: Trong trường hợp giao hai con cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, ông T cấp dưỡng nuôi mỗi con hàng tháng là 4.000.000 đồng; giao nhận tiền cấp dưỡng thông qua chuyển khoản trực tiếp cho bà H từ ngày 01 đến ngày 05 hàng tháng. Căn cứ Điều 116, Điều 117 và khoản 1 Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của nguyên đơn bà H: Ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con hàng tháng là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) cho đến khi các con đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình. Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án. Thi hành bằng hình thức chuyển khoản trực tiếp cho bà H từ ngày 01 đến ngày 05 hàng tháng.

[4] Về tài sản chung:

Xét nguyên đơn bà H không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, và điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, nguyên đơn bà H chịu án phí sơ thẩm giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), và bị đơn ông T chịu án phí sơ thẩm về cấp dưỡng là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 63, Điều 147, Điều 227, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 482 và Điều 483 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 9, Điều 55, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 116, Điều 117 và Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình số 52/2014/QH13 ngày 19 tháng 06 năm 2014;

Căn cứ Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự về quan hệ hôn nhân như sau: Bà H và ông T thuận tình ly hôn.

Tuyên xử:

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao hai con chung tên K, sinh ngày 12/9/2006 và T.K, sinh ngày 19/9/2007 cho bà H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Trong trường hợp lạm dụng việc thực hiện quyền này để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc,

nuôi dưỡng, giáo dục thì người trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Điều 86 Luật Hôn nhân và Gia đình có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chưa thành niên của người không trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, một hoặc các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

2.2. Ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi mỗi con hàng tháng là 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) cho đến khi các con đủ tuổi trưởng thành và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình. Thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án. Thi hành bằng hình thức chuyển khoản trực tiếp cho bà H từ ngày 01 (Một) đến ngày 05 (Năm) hàng tháng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa trả đủ số tiền phải thi hành án thì người phải thi hành án còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

3. Về tài sản chung: Nguyên đơn bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Án phí sơ thẩm:

4.1. Án phí sơ thẩm giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) bà H phải chịu, được căn trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0004300 ngày 11/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh. Bà H đã nộp đủ án phí.

4.2. Án phí sơ thẩm giải quyết về cấp dưỡng là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) ông T phải chịu.

5. Quyền yêu cầu thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt

khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.Bình Thạnh;
- Chi cục THADS Q.Bình Thạnh;
- UBND Phường P.H.T, quận H.B, H.P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Vũ Thị Thúy Vân